

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày: 22 - 02 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhân Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trực

Ông Hoàng Phương Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Quang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đình Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (số 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế) xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 333/2022/TLST-HS ngày 27/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HS ngày 08/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Thị T** (tên gọi khác: B, Lê Thị Th); giới tính: Nữ; sinh ngày 27/4/1994, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Đường D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nghề nghiệp: Không, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 07/12, con ông Hoàng Ngọc V, sinh năm 1961; con bà Lê Thị M, sinh năm 1967; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai; sống chung như vợ chồng với anh Trần Văn H, sinh năm 1992; con: Có 03 con, lớn nhất 09 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi;

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sinh sống với cha mẹ tại phường A, thành phố H, đi học đến lớp 7/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình.

- Ngày 16/5/2008, bị Chủ tịch UBND thành phố Huế đưa vào trường giáo dưỡng số 03 Đà Nẵng thời gian 24 tháng về hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản (Quyết định số 661 ngày 16/5/2008).

- Ngày 18/02/2011, bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (Quyết định số 402 ngày 18/02/2011).

- Ngày 29/02/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 33/2012/HSST).

Tiền án: 05 tiền án.

- Ngày 23/10/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 268/2013/HSST).

- Ngày 29/12/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 344/2014/HSST).

- Ngày 06/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 01/2015/HSST).

- Ngày 15/6/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 120/2015/HSST). Chấp hành xong án phạt tù ngày 25/9/2018.

- Ngày 21/02/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 33/2022/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2022 (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Văn Q** (tên gọi khác: S); giới tính: Nam; sinh ngày 30/01/2003, tại tỉnh Thừa Thiên Huế, nơi cư trú: Đường C, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 6/12, con ông Trần Văn H, sinh năm 1979, con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1976, anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ 4; sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị P (sinh năm 2003), con: có 01 con sinh năm 2020.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ ở với cha mẹ tại phường G, thành phố H học đến lớp 6/12 thì nghỉ, cho đến ngày gây án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi trú (có mặt).

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1999, nơi cư trú: Đường V, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1954, nơi cư trú: Đường D, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

3. Chị Phạm Minh Th, sinh năm 2003, nơi cư trú: Đường X, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

4. Anh Hồ Xuân S, sinh năm 1993, nơi cư trú: Đường B, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Hữu H, sinh năm 1996, nơi cư trú: Đường D, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969, nơi cư trú: Đường L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

3. Ông Lê Văn L, sinh năm 1980, nơi cư trú: Đường K, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/8/2022, Hoàng Thị T điều khiển xe mô tô biển số 75K4-0529 chở theo sau con gái tên là Hoàng Trần Bảo N (sinh năm 2020) đi tìm ai có sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến quán tạp hóa ở 11/93 An Dương Vương, phường An Đông, thành phố Huế, T dừng xe lại giả vờ đi vào mua hàng để thực hiện trộm cắp tài sản. Tại đây, T lén lút lấy trộm của chị Nguyễn Thị Thanh V 01 chiếc điện thoại hiệu Iphone 13 màu hồng. Sau khi lấy trộm được điện thoại, T đem đến địa chỉ 162 Điện Biên Phủ bán cho anh Trần Hữu H với số tiền 4.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 217/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu hồng, 128GB, số Imei 352391575932113 trị giá 12.000.000 đồng, thời điểm định giá ngày 10/8/2022.

Vật chứng thu giữ:

- Thu từ anh Trần Hữu H: 01 điện thoại di động Iphone 13 đã qua sử dụng màu hồng, số Imei: 352391575932113;

- Thu từ Hoàng Thị T: 01 xe mô tô biển số 75K4-0529 đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng xe.

- Thu từ chị Nguyễn Thị Thanh V: 03 ảnh màu.

Vụ thứ 2: Khoảng 15 giờ ngày 16/8/2022, Hoàng Thị T ngồi chơi tại nhà bố chồng ở đường K phường G, thành phố H. Tại đây, T rủ em trai của chồng là Trần Văn Q đi tìm người nào sơ hở để trộm cắp tài sản thì Q đồng ý. Q điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 75F1-898.46 chở T đi lên đường Lý Nam Đế, phường Hương Long, thành phố Huế. Khi đi đến quán

tạp hóa ở đường Lý Nam Đế, thuộc Khu vực 2, phường Hương Long, thành phố Huế do bà Lê Thị H làm chủ thì T nói Q dừng xe lại. T đi vào giả vờ mua hàng để thực hiện trộm cắp tài sản. Tại đây, T lén lút trộm cắp của chị H 2.000.000 đồng tiền mặt và nhiều card điện thoại di động thuộc các mạng Viettel, Mobifone, Vinaphone có tổng giá trị 5.600.000 đồng (bao gồm: 05 card mệnh giá 200.000 đồng, 25 card mệnh giá 100.000 đồng, còn lại là mệnh giá 50.000 đồng, 20.000 đồng và 10.000 đồng). Sau khi trộm cắp được tài sản, T đi ra và nói với Q là chỉ trộm được số card điện thoại, còn số tiền 2.000.000 đồng T cất giấu trong người không nói cho Q biết. Sau đó, T và Q mang số card điện thoại đến quán tạp hóa của chị Nguyễn Thị X, nơi cư trú: 437 Chi Lăng, phường Phú Hậu, thành phố Huế để bán. Tại đây, T lấy nhiều card điện thoại với tổng giá trị 3.750.000 đồng bán cho chị X và đổi lấy số tiền 3.000.000 đồng. T đưa cho Q 1.000.000 đồng, còn lại T tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T tiếp tục đưa số card điện thoại còn lại đếm được tổng trị giá là 1.850.000 đồng đến bán cho chị X để đổi lấy số tiền 1.300.000 đồng. Sau khi được chia số tiền 1.000.000 đồng từ T, Q tiêu xài hết 615.000 đồng, số tiền 315.000 đồng còn lại Q đem trả lại cho T vì biết hành vi trộm cắp của mình đã bị Cơ quan Công an phát hiện.

Vật chứng thu giữ.

- Thu giữ từ chị Nguyễn Thị X: 38 card điện thoại có mệnh giá 10.000 đồng (gồm 18 card thuộc mạng Mobifone; 20 card thuộc mạng Viettel); số tiền 5.220.000 đồng.

- Thu giữ từ chị Lê Thị H: 02 ảnh màu; 01 tờ giấy ghi nội dung số card điện thoại di động mà chị Hồng nhập vào để bán; 01 đĩa DVD có chứa 03 đoạn vi deo.

- Thu giữ từ Trần Văn Q: 01 xe máy hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc biển số 75F1-898.46.

Kết luận định giá tài sản số 331/KL-HĐĐGTS ngày 07/12/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định:

- 18 thẻ cào điện thoại nhà mạng Mobifone tất cả đều in mệnh giá 10.000 đồng, tổng trị giá 180.000 đồng, thời điểm định giá ngày 16/8/2022.

- 20 thẻ cào điện thoại nhà mạng Viettel tất cả đều in mệnh giá 10.000 đồng, chưa đủ căn cứ để tính giá trị.

Vụ thứ 3: Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 15/9/2022, Hoàng Thị T điều khiển xe mô tô (không rõ loại xe, biển số xe, T mượn của một người bạn mới quen biết không rõ nhân thân, lai lịch) đi tìm người nào sơ hở để trộm cắp tài sản. T đi tới cửa hàng cho thuê váy “Ni Ni” ở địa chỉ 132 Dương Văn An,

phường Xuân Phú, thành phố Huế) để giả vờ hỏi thuê váy. Tại đây, T giả vờ lựa váy rồi yêu cầu chị Phạm Minh Th đi tìm mẫu váy. T quan sát ở bàn thanh toán có 01 túi xách của chị Th. Lợi dụng lúc chị Th không để ý, T lén lút mở túi xách lấy trộm số tiền 500.000 đồng. Sau khi lấy trộm xong, T nói với chị Th là đi mua cơm, lát quay lại sau rồi rời khỏi hiện trường.

Sau khi trộm cắp tài sản của chị Th, T tiếp tục điều khiển xe mô tô đến cửa hàng tạp hóa ở số 141 Ngự Bình, phường An Tây, thành phố Huế. Tại đây, T giả vờ hỏi mua nhiều loại hàng hóa như bia, nước ngọt rồi xin thêm nhiều đá lạnh để chị Trần Thị Diệu H là chủ quán đi lấy. T quan sát ở đầu giường có móc 01 túi xách màu đen của anh Hồ Xuân S là chồng chị H nên lén lút lấy trộm số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi lấy trộm được tài sản, T đi trả xe cho bạn rồi đi xe thô về nhà của mình. Số tiền trộm cắp được, T tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ

- Thu giữ từ chị Phạm Minh Th: 01 ảnh màu chụp trực tiếp ở Camera an ninh;

- Thu giữ từ anh Hồ Xuân S: 01 đĩa DVD, 02 (hai) ảnh chụp màn hình điện thoại.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Thị T và Trần Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Lê Thị H số card điện thoại thu giữ được và số tiền từ chị Nguyễn Thị X giao nộp, trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh V 01 điện thoại. Đối với chiếc xe mô tô biển số 75K4-0529, quá trình điều tra xác định do chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1987; nơi cư trú: 205/4/10 Bà Triệu, phường Xuân Phú, thành phố Huế) đứng tên chủ sở hữu. Chị H đã bán chiếc xe trên đã lâu nhưng không nhớ bán cho ai, nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác minh xử lý sau. Đối với các hình ảnh và đĩa DVD do các bị hại giao nộp, Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với xe mô tô biển số 75F1-898.46, quá trình điều tra xác định do anh Huỳnh Văn V (sinh năm 1999; nơi cư trú: Phòng 306, Khu G, chung cư P, thành phố H) đứng tên chủ sở hữu. Đầu năm 2021, anh V bán lại chiếc xe nêu trên cho anh Lê Văn L (sinh năm 1980; nơi cư trú: Đường K, phường G, thành phố H) nhưng không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Ngày 16/8/2022, anh L không biết Q mượn xe mô tô của mình để đi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế xử lý vật chứng trả lại cho anh L chiếc xe nêu trên là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thanh V và bà Lê Thị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Bị cáo Trần Văn Q đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị X số tiền 1.000.000 đồng, chị X không có yêu cầu gì thêm.

Bị hại chị Phạm Minh Th yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 500.000 đồng. Anh Hồ Xuân S yêu cầu bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Anh Trần Hữu H yêu cầu bồi thường số tiền 4.500.000 đồng tiền mua điện thoại. Hiện bị cáo Hoàng Thị T chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSTPH ngày 23/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị T từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù và đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 33/2022/HSST ngày 21/02/2022 của Toà án nhân dân thành phố Huế buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 05 năm tù đến 05 năm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng và giải quyết về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị khai không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Trần Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội đó phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa. Do đó có cơ sở để kết luận:

[2.1]. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên Hoàng Thị T thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản và Trần Văn Q cùng T thực hiện một vụ trộm cắp trên địa bàn thành phố Huế, cụ thể: Khoảng 14 giờ ngày 10/8/2022, T lấy trộm của chị Nguyễn Thị Thanh V 01 chiếc điện thoại hiệu Iphone 13 màu hồng, giá trị còn lại qua định giá là 12.000.000 đồng. Khoảng 15 giờ ngày 16/8/2022, T và Q lấy trộm của chị Lê Thị H số tiền 2.000.000 đồng và nhiều card điện thoại có giá trị 5.600.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà T lấy trộm của bà Hồng là 7.600.000 đồng. Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 15/9/2022, T lấy trộm của chị Phạm Minh Th số tiền 500.000 đồng và lấy trộm của anh Hồ Xuân S số tiền 4.000.000 đồng.

Như vậy, Hoàng Thị T 04 lần thực hiện trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản là 24.100.000 đồng. Bị cáo Trần Văn Q một lần cùng T thực hiện một vụ trộm cắp tài sản.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn. Hoàng Thị T vừa là người khởi xướng và là người thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm chính. Trần Văn Q chỉ là người giúp sức trong vụ trộm cắp tài sản của bà Lê Thị H, ở đường Lý Nam Đế, Khu vực 2, phường Hương Long, thành phố Huế.

Đối với bị cáo Hoàng Thị T: Bị cáo T đang có 05 tiền án, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đang thi hành bản án số 33/2022/HSST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế với mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo được hoãn chấp hành hình phạt tù vì đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, đến ngày 10/8/2022 bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội. Tại điểm b, khoản 2, Điều 53 Bộ luật Hình sự 2015 quy định: *“Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm: Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý”*. Do vậy lần phạm tội này bị cáo T phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là *“tái phạm nguy hiểm”*. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Tại bản án số 33/2022/HSST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã xử phạt bị cáo T 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật). Nên cần tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 33/2022/HSST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế thành hình phạt chung theo Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015.

Đối với bị cáo Trần Văn Q: Khi cùng T trộm cắp tài sản của bà Lê Thị H, ở đường Lý Nam Đế, Khu vực 2, phường Hương Long, thành phố Huế. Hoàng Thị T đã lén lút lấy trộm số tiền 2.000.000 đồng và nhiều card điện thoại có giá trị 5.600.000 đồng của bà Lê Thị H. Nhưng T nói với Q là chỉ trộm cắp được card điện thoại, số tiền mặt 2.000.000 đồng bị cáo T không nói cho Q biết, sau khi bán được card điện thoại T mới chia tiền cho Q 1.000.000 đồng, do vậy Q không đồng phạm với T đối với số tiền 2.000.000 đồng mà T chiếm đoạt của bà Hồng; Q chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 5.600.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo bị cáo Q về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhận thấy: Bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Trần Văn Q đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lợi dụng sự sơ hở của người khác để lén lút chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do háms lợi, muốn có tiền nhanh chóng nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trái pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý thích đáng, mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[2.3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo T có nhân thân là: Một lần bị đưa vào trường giáo dưỡng; một lần bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và có 05 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Lần phạm tội này bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo T được hưởng là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trần Văn Q: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2

Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Q có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đảm bảo đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Thanh V đã nhận lại điện thoại, bà Lê Thị H đã nhận lại tài sản, bị cáo Trần Văn Q đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị X số tiền 1.000.000 đồng, các bà không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cần buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường như sau:

- Bồi thường cho chị Phạm Minh Th số tiền 500.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Hồ Xuân S số tiền 4.000.000 đồng
- Bồi thường cho anh Trần Hữu H số tiền 4.500.000 đồng

Tổng cộng số tiền bị cáo T phải bồi thường là: 9.000.000 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Trần Văn Q mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Thị T phải chịu là: 9.000.000 đồng x 5% = 450.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T, bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm g, khoản 2, Điều 173; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án này với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án số 33/2022/HSST ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế. Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 21/10/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho những người sau:

- Bồi thường cho chị Phạm Minh Th số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho anh Hồ Xuân S số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

- Bồi thường cho anh Trần Hữu H số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền bị cáo T phải bồi thường là: 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Trần Văn Q mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Thị T phải chịu 450.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT - Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- VKSND Tp Huế;
- CQĐT CA Tp Huế;
- CQ THAHS CA Tp Huế;
- Nhà tạm giữ Công an Tp Huế;
- Chi Cục THADS Tp Huế;
- UBND phường Gia Hội, Tp Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan.
- Lưu HSVA, HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Nhân Đức

